

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Kiểm tra kiến thức học sinh về:

- Thực hiện các phép tính phân số; số thập phân.
- Vận dụng hai bài toán về phân số giải quyết các bài toán thực tế.
- Tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép nhân; Tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong việc tính nhanh, tính nhẩm.
- Các hình đã học trong chương hình học phẳng: điểm; đường thẳng; tia; trung điểm đoạn thẳng; phân biệt góc nhọn; góc vuông; góc tù ; góc bẹt.
- Vẽ hình theo yêu cầu bài toán.
- Tính độ dài đoạn thẳng.

2. Về năng lực: Góp phần phát triển các năng lực:

* **Năng lực chung:** Năng lực tự chủ và tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* **Năng lực đặc thù:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; Năng lực giải quyết vấn đề toán học; Năng lực mô hình hóa toán học; Năng lực giao tiếp toán học; Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

3. Về phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. MA TRẬN ĐỀ

TT	Chương/Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
1	Phân số	<i>Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số</i>	2 0,5đ								5%
		<i>Các phép tính với phân số</i>	2 0,5đ	1 0,5đ		2 1đ				1 0,5đ	25%
2	Số thập phân	<i>Số thập phân</i>	1 0,25đ	1 0,5đ							7,5%
		<i>Làm tròn số thập phân</i>	1 0,25đ								2,5%
		<i>Tỉ số và tỉ số phần trăm Hai bài toán về phân số</i>				2 0,5đ		1 2đ			25%
3	Các hình học cơ bản	<i>Tia</i>	1 0,25đ			1 1đ				1 0,5đ	17,5%
		<i>Góc</i>	1 0,25đ	1 1đ	2 0,5đ						17,5%
Tổng			8 2đ	3 2đ	4 1đ	3 2đ		1 2đ		2 1đ	21
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

III. BẢN ĐẶC TẢ

TT	Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			NB	TH	VD	VDC
1	Phân số	<p>Phân số. Tính chất cơ bản của phân số.</p> <p>Nhận biết: - Nhận biết nghịch đảo của một phân số, tích của hai phân số nghịch đảo - Nhận biết được hỗn số dương.</p>	TN Câu 1, Câu 4			
		<p>Các phép tính với phân số</p> <p>Nhận biết: - Tìm được kết quả của các phép toán cộng trừ nhân chia phân số. - Biết được quy tắc nhân, chia hai phân số</p> <p>Thông hiểu: - Tìm một số khi biết giá trị một phân số của nó</p> <p>Vận dụng: - Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số. - Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). - Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...).</p> <p>Vận dụng cao: - Giải quyết được một số vấn đề gắn với các phép tính về phân số.</p>	TN Câu 2, Câu 3 TL Bài 1b	TL Bài 2 a,b		TL Câu 5

2	Số thập phân- Làm tròn số- Tỉ số phần trăm	Số thập phân	Nhận biết: - Nhận biết cách đổi số thập phân, hỗn số ra phân số	TN Câu 6 TL Bài 1a			
		Làm tròn số	Nhận biết: - Biết cách làm tròn số thập phân.	TN Câu 9			
		Tỉ số và tỉ số phần trăm - Hai bài toán về phân số	Thông hiểu - Hiểu cách viết kí hiệu tỉ số của hai số. - Hiểu cách Tìm giá trị phân số của một số, tìm một số biết giá trị phân số của nó. Vận dụng: - Vận dụng hai bài toán về phân số giải quyết các bài toán thực tế.	TN Câu 5, 11	TL Bài 3a,b		
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							
HÌNH HỌC PHẪNG				NB	TH	VD	VDC
3	Các hình học cơ bản	<i>Tia</i>	Nhận biết: - Nhận biết được khái niệm tia. Thông hiểu: - Hiểu cách vẽ tia và biết cách tính toán các đoạn thẳng trên tia Vận dụng cao: - Vận dụng vào các bài cho biết số góc và tìm ra số tia	TN Câu 7	TL Bài 4 2a		TL Bài 4 2b
		<i>Góc- Các góc đặc biệt</i>	Nhận biết: - Nhận biết cách đọc số đo góc bẹt. - Nhận biết được số đo của góc bẹt Thông hiểu: - Hiểu được các góc và đọc được số đo các góc từ đồng hồ, hình vẽ	TN Câu 8 TL Bài 4 1)	TN Câu 10, 12		

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Ghi lại vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Phân số nào là phân số nghịch đảo của phân số $\frac{-3}{11}$?

A. $\frac{11}{-3}$

B. $\frac{3}{11}$

C. $\frac{-3}{-11}$

D. $\frac{-11}{-3}$

Câu 2: Kết quả của phép tính $\frac{-1}{9} \cdot \frac{27}{8}$ bằng bao nhiêu?

A. $\frac{-3}{8}$

B. $\frac{-1}{8}$

C. $\frac{27}{8}$

D. $\frac{-1}{27}$

Câu 3: Kết quả của phép tính $\frac{-1}{13} + \frac{7}{-13}$ bằng bao nhiêu?

A. $\frac{6}{13}$

B. $\frac{1}{7}$

C. $\frac{-8}{13}$

D. $\frac{-6}{13}$

Câu 4: Viết hỗn số $2\frac{1}{5}$ dưới dạng phân số ta được phân số là gì?

A. $\frac{3}{5}$

B. $\frac{11}{5}$

C. $\frac{2}{5}$

D. $\frac{3}{3}$

Câu 5: $\frac{1}{4}$ của 12 bằng bao nhiêu?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 6

Câu 6: Viết số thập phân 0,4 về dạng phân số ta được phân số nào sau đây?

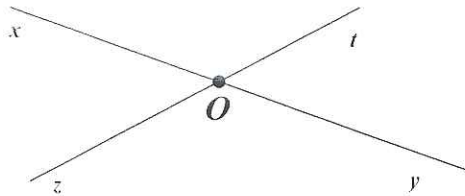
A. $\frac{1}{4}$

B. $\frac{5}{2}$

C. $\frac{2}{5}$

D. $\frac{-1}{4}$

Câu 7: Trong hình vẽ có bao nhiêu tia ?



A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4

Câu 8: Góc vuông có số đo bằng bao nhiêu?

A. 90°

B. 180°

C. 70°

D. 45°

Câu 9. Làm tròn số 9,8462 đến hàng phần mười ta được kết quả là số nào?

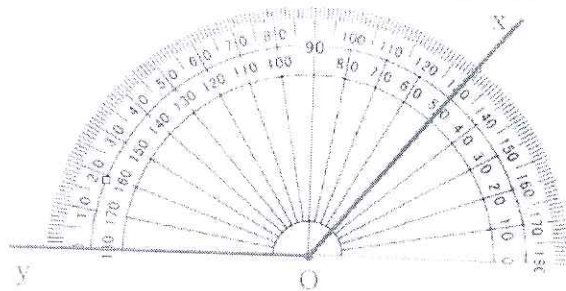
A. 9,846.

B. 10.

C. 9,9.

D. 9,8.

Câu 10: Cho góc xOy như hình bên. Góc xOy là loại góc gì?



A. Góc vuông

B. Góc tù

C. Góc nhọn

D. Góc bẹt

Câu 11. Hãy chọn cách viết kí hiệu tỉ số của 17 và 39.

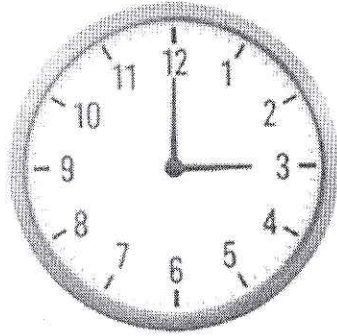
A. $17 + 39$.

B. 17.39 .

C. $17 - 39$.

D. $17:39$

Câu 12: Lúc 3 giờ thì kim phút và kim giờ của đồng hồ tạo thành góc có số đo là bao nhiêu?



A. 30°

B. 60° .

C. 90° .

D. 180° .

II. TỰ LUẬN (7 ĐIỂM)

Bài 1 (1 điểm). Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu được).

a) $3,4 + (-4,5) + 1,6 + (-10,5)$

b) $\frac{5}{9} \cdot \frac{7}{13} + \frac{5}{9} \cdot \frac{6}{13}$

Bài 2 (1 điểm). Tìm x, biết:

a) $\frac{2}{3} \cdot x = \frac{2}{7}$

b) $\left(x + \frac{2}{4}\right) \cdot \frac{4}{15} = \frac{2}{5}$

Bài 3 (2 điểm). Lớp 6A có 40 học sinh. Kết quả xếp loại học lực cuối năm gồm ba loại: giỏi, khá, trung bình (không có học sinh xếp loại yếu, kém). Số học sinh đạt loại giỏi 25% số học sinh cả lớp. Số học sinh trung bình bằng $\frac{2}{5}$ số học sinh giỏi.

Còn lại học sinh khá.

a) Tính số học sinh xếp loại giỏi, loại khá, loại trung bình?

b) Tính tỉ số phần trăm số học sinh Khá so với học sinh cả lớp?

Bài 4 (2,5 điểm).

1) Vẽ góc $\widehat{mOl} = 50^\circ$

2) Trên tia Ox, lấy điểm A và B sao cho $OA = 3\text{cm}, OB = 6\text{cm}$.

a) Tính độ dài đoạn thẳng AB.

b) Hỏi điểm A có là trung điểm của đoạn thẳng OB không? Vì sao?

Bài 5 (0,5 điểm) Tính nhanh tổng sau: $A = \frac{5^2}{1.6} + \frac{5^2}{6.11} + \dots + \frac{5^2}{26.31}$

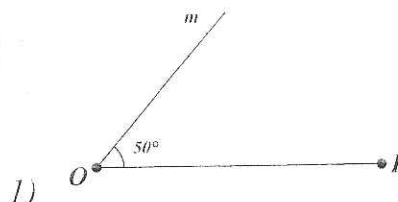

Chúc các con bình tĩnh tự tin và làm bài tốt!

I. Trắc nghiệm (3 điểm): Mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	A	C	B	B	C	D	A	D	B	D	C

II. Tự luận (7 điểm):

Bài	HƯỚNG DẪN GIẢI	ĐIỂM
1 (1 đ)	a) $3,4 + (-4,5) + 1,6 + (-10,5)$ $= (3,4 + 1,6) + [(-4,5) + (-10,5)]$ $= 5 + (-15) = -10$	0,25 0,25
	b) $\frac{5}{9} \cdot \frac{7}{13} + \frac{5}{9} \cdot \frac{6}{13} = \frac{5}{9} \cdot \left(\frac{7}{13} + \frac{6}{13}\right)$ $= \frac{5}{9}$	0,25
		0,25
		0,25
2 (1 đ)	a) $\frac{2}{3} \cdot x = \frac{2}{7}$ $x = \frac{2}{7} : \frac{2}{3}$ $x = \frac{3}{7}$	0,25 0,25
	b) $\left(x + \frac{2}{4}\right) \cdot \frac{4}{15} = \frac{2}{5}$ $x + \frac{2}{4} = \frac{2}{5} : \frac{4}{15}$ $x + \frac{1}{2} = \frac{3}{2}$ $x = \frac{3}{2} - \frac{1}{2}$ $x = 1$	0,25 0,25
		0,25
		0,25
3 (2 đ)	a) Số học sinh đạt loại Giỏi là $40.25\% = 10$ (học sinh). Số học sinh đạt loại Trung Bình là: $\frac{2}{5} \cdot 10 = 4$ (học sinh) Số học sinh đạt loại Khá là: $40 - (10 + 4) = 26$ (học sinh)	0,5 0,5 0,5
	b) Tỉ số phần trăm số học sinh Giỏi so với học sinh cả lớp là: $26: 40.100\% = 65\%$ Vậy tỉ số phần trăm số học sinh Giỏi so với học sinh cả lớp là 65%	0,5

4 (2,5 đ)	1)		1
	2)		0,5
	a)	Ta có $OA + AB = OB$ $AB = 6 - 3 = 3cm$	0,5
	b)	$OA = AB = 3cm$ mà A nằm giữa O và B Nên A là trung điểm của đoạn thẳng OB.	0,5
5 (0,5 đ)	$A = \frac{5^2}{1.6} + \frac{5^2}{6.11} + \dots + \frac{5^2}{26.31}$ $\Leftrightarrow A = 5 \left(\frac{5}{1.6} + \frac{5}{6.11} + \dots + \frac{5}{26.31} \right)$ $\Leftrightarrow A = 5 \left(1 - \frac{1}{6} + \frac{1}{6} - \frac{1}{11} + \dots + \frac{1}{26} - \frac{1}{31} \right)$ $\Leftrightarrow A = 5 \left(1 - \frac{1}{31} \right) = 5 \cdot \frac{30}{31} = \frac{150}{31}$		0,25
			0,25

Học sinh làm cách khác đúng, vẫn cho điểm tối đa.

DUYỆT ĐỀ

Ban Giám Hiệu

Tổ trưởng CM

Nhóm trưởng

Giáo viên



Nguyễn T. Bích Ngân

Nguyễn Thu Huyền

Hoàng P.Thúy

Nguyễn Thị Hà M.

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Ghi lại vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Phân số nào là phân số nghịch đảo của phân số $\frac{-3}{5}$?

- A. $\frac{-5}{3}$ B. $\frac{3}{5}$ C. $\frac{-3}{-5}$ D. $\frac{-5}{-3}$

Câu 2. Kết quả của phép tính $\frac{-1}{7} \cdot \frac{49}{11}$ bằng bao nhiêu?

- A. $\frac{-49}{7}$ B. $\frac{-1}{11}$ C. $\frac{-7}{11}$ D. $\frac{7}{11}$

Câu 3. Kết quả của phép tính $\frac{-1}{26} + \frac{5}{-26}$ bằng bao nhiêu?

- A. $\frac{-2}{13}$ B. $\frac{3}{13}$ C. $\frac{-2}{-13}$ D. $\frac{-3}{13}$

Câu 4. Viết hỗn số $1\frac{1}{14}$ dưới dạng phân số ta được phân số là gì?

- A. $\frac{15}{14}$ B. $\frac{14}{15}$ C. $\frac{2}{14}$ D. $\frac{16}{14}$

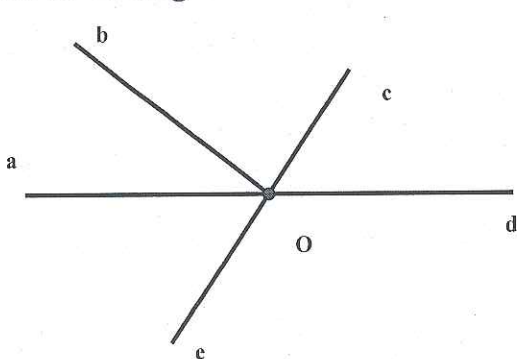
Câu 5. $\frac{1}{5}$ của 240 bằng bao nhiêu?

- A. 48 B. 1200 C. 235 D. 245

Câu 6. Viết số thập phân 0,125 về dạng phân số ta được phân số nào sau đây?

- A. $\frac{1}{8}$ B. $\frac{1}{2}$ C. $\frac{4}{5}$ D. $\frac{125}{10}$

Câu 7. Trong hình vẽ có bao nhiêu cặp tia đối nhau?



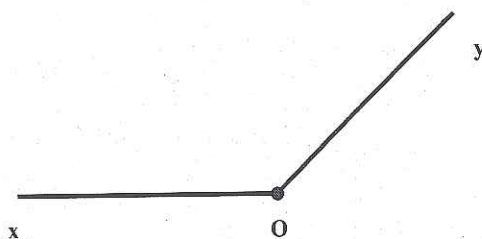
- A. 1
B. 2
C. 3
D. 4

Câu 8. Góc nhọn có số đo bằng bao nhiêu?

- A. Lớn hơn 0^0 và nhỏ hơn 90^0 C. 90^0
B. Lớn hơn 90^0 và nhỏ hơn 180^0 D. 180^0

Câu 9. Làm tròn số 1,5645 đến hàng phần trăm ta được kết quả là số nào?
 A. 1,56 B. 1,6 C. 1,565 D. 2

Câu 10. Cho góc xOy như hình bên. Góc xOy là loại góc gì?



- A. Góc vuông B. Góc tù C. Góc nhọn D. Góc bẹt

Câu 11. Hãy chọn cách viết kí hiệu tỉ số của 15 và 23?

- A. 15.23 B. 15 - 23 C. 15 + 23 D. 15: 23

Câu 12. Lúc 6 giờ thì kim phút và kim giờ của đồng hồ tạo thành góc có số đo là bao nhiêu?

- A. 30° B. 60° C. 90° D. 180°

II. TỰ LUẬN (7 ĐIỂM)

Bài 1 (1 điểm). Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu có thể).

a) $(-41,1) + 12,3 + (-8,9) + (-2,3)$

b) $\frac{3}{13} \cdot \frac{11}{27} + \frac{3}{13} \cdot \frac{16}{27}$

Bài 2 (1,0 điểm). Tìm x, biết:

a) $\frac{-2}{15} \cdot x = \frac{2}{21}$

b) $\left(x + \frac{5}{18}\right) : \frac{2}{9} = \frac{1}{2}$

Bài 3 (2 điểm). Một lớp có 40 học sinh gồm 3 loại: giỏi, khá, trung bình. Số học sinh giỏi bằng $\frac{1}{2}$ số học sinh cả lớp. Số học sinh trung bình bằng $\frac{1}{5}$ số học sinh giỏi, còn lại là khá. Tính số học sinh khá?

- a) Tính số học sinh xếp loại giỏi, loại khá, loại trung bình?
 b) Tính tỉ số phần trăm số học sinh trung bình so với học sinh cả lớp?

Bài 4 (2,5 điểm).

- 1) Vẽ góc $\widehat{aOb} = 80^\circ$
 2) Vẽ tia Ox. Trên tia Ox, lấy điểm A và B sao cho $OA = 4cm, OB = 8cm$.
 a) Tính độ dài đoạn thẳng AB
 b) Điểm A có phải là trung điểm đoạn thẳng OB không? Vì sao?

Bài 5 (0,5 điểm) Tìm x biết: $\frac{2}{1^2} \cdot \frac{6}{2^2} \cdot \frac{12}{3^2} \cdot \frac{20}{4^2} \dots \frac{110}{10^2} \cdot x = -20$

.....

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Môn: Toán – Lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút

Tiết PPCT: 90+91. Năm học 2023-2024

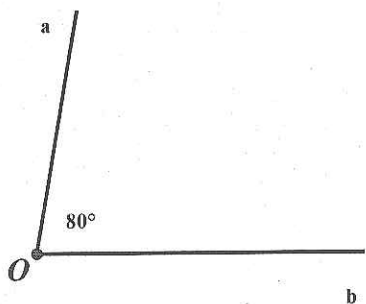

Ngày kiểm tra: 24/04/2024

I. Trắc nghiệm (3 điểm): Mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	C	D	A	A	A	B	A	A	B	D	D

II. Tự luận (7 điểm)

Bài	HƯỚNG DẪN GIẢI	ĐIỂM
	a) $(-41,1) + 12,3 + (-8,9) + (-2,3)$ $= [(-41,1) + (-8,9)] + [12,3 + (-2,3)]$ $= -50 + 10 = -40$	0,25đ 0,25đ
1 (1 đ)	b) $\frac{3}{13} \cdot \frac{11}{27} + \frac{3}{13} \cdot \frac{16}{27}$ $= \frac{3}{13} \cdot \left(\frac{11}{27} + \frac{16}{27} \right)$ $= \frac{3}{13} \cdot 1 = \frac{3}{13}$	0,25đ 0,25đ
2 (1 đ)	a) $\frac{-2}{15} \cdot x = \frac{2}{21}$ $x = \frac{2}{21} : \frac{-2}{15}$ $x = \frac{2}{21} \cdot \frac{-15}{2}$ $x = \frac{-5}{7}$	0,25đ
	b) $\left(x + \frac{5}{18} \right) : \frac{2}{9} = 2$ $x + \frac{5}{18} = \frac{1}{2} \cdot \frac{2}{9}$ $x + \frac{5}{18} = \frac{1}{9}$ $x = \frac{1}{9} - \frac{5}{18}$ $x = \frac{-1}{6}$	0,25đ 0,25đ

3 (2 đ)	a) Số học sinh đạt loại Giỏi là $40 \cdot \frac{1}{2} = 20$ (học sinh).	0,5đ
	Số học sinh đạt loại Trung Bình là: $\frac{1}{5} \cdot 20 = 4$ (học sinh)	0,5đ
	Số học sinh đạt loại Khá là: $40 - (20 + 4) = 16$ (học sinh)	0,5đ
	b) Tỉ số phần trăm số học sinh trung bình so với học sinh cả lớp là: $4 : 40 \cdot 100\% = 10\%$ Vậy tỉ số phần trăm số học sinh trung bình so với học sinh cả lớp là 10%	0,5đ
4 (2,5 đ)		1đ
		0,5đ
	a) Ta có $OA + AB = OB$ $AB = 8 - 4 = 4cm$ $OA = AB = 4cm$	0,5đ
	b) Vì A nằm giữa O và B và $OA = AB = 4cm$ Nên A là trung điểm của đoạn thẳng AB.	0,5đ
5 (0,5 đ)	$\frac{2}{1^2} \cdot \frac{6}{2^2} \cdot \frac{12}{3^2} \cdot \frac{20}{4^2} \dots \frac{110}{10^2} \cdot x = -20$	0,25đ
	$\frac{1.2}{1.1} \cdot \frac{2.3}{2.2} \cdot \frac{3.4}{3.3} \cdot \frac{4.5}{4.4} \dots \frac{10.11}{10.10} \cdot x = -20$ $\frac{(1.2.3 \dots 10)(2.3 \dots 11)}{(1.2 \dots 10)(1.2 \dots 10)} \cdot x = -20$ $11x = -20$ $x = \frac{-20}{11}$ Vậy $x = \frac{-20}{11}$	

Học sinh làm cách khác đúng, vẫn cho điểm tối đa.

DUYỆT ĐỀ


Ban Giám Hiệu
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
PHÚC ĐÔNG

Tổ trưởng CM

Nhóm trưởng

Giáo viên

Nguyễn Thị Bích Ngân

Nguyễn Thu Huyền

Hoàng P.Thúy

Phạm T. Kim Lương

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Ghi lại vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Phân số nào là phân số nghịch đảo của phân số $\frac{7}{-23}$?

- A. $\frac{-23}{7}$ B. $\frac{23}{7}$ C. $\frac{-7}{23}$ D. $\frac{-7}{-23}$

Câu 2: Kết quả của phép tính $\frac{2}{3} \cdot \frac{-15}{4}$ bằng bao nhiêu?

- A. $\frac{-5}{2}$ B. $\frac{5}{2}$ C. $\frac{30}{12}$ D. $\frac{-10}{3}$

Câu 3: Kết quả của phép tính $\frac{-2}{7} - \frac{3}{7}$ bằng bao nhiêu?

- A. $\frac{-1}{7}$ B. $\frac{1}{7}$ C. $\frac{-5}{7}$ D. $\frac{-6}{7}$

Câu 4: Viết hỗn số $2\frac{1}{5}$ dưới dạng phân số ta được phân số là gì?

- A. $\frac{10}{5}$ B. $\frac{11}{5}$ C. $\frac{7}{5}$ D. $\frac{8}{5}$

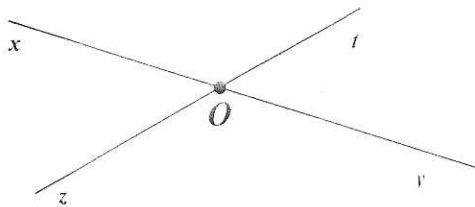
Câu 5: $\frac{1}{3}$ của 18 bằng bao nhiêu?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 6

Câu 6: Viết số thập phân 0,25 về dạng phân số ta được phân số nào sau đây?

- A. $\frac{3}{4}$ B. $\frac{1}{2}$ C. $\frac{7}{5}$ D. $\frac{1}{4}$

Câu 7: Trong hình vẽ có bao nhiêu cặp tia đối nhau?



- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4

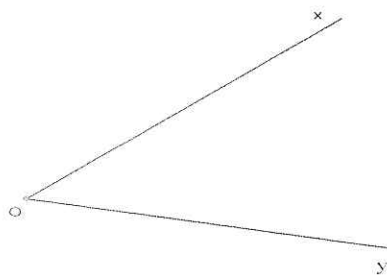
Câu 8: Góc bẹt có số đo bằng bao nhiêu?

- A. 90° B. 180° C. 70° D. 45°

Câu 9: Làm tròn số 17,7248 đến hàng phần mười ta được kết quả là số nào?

- A. 17. B. 17,8. C. 17,7. D. 17,72.

Câu 10: Cho góc xOy như hình bên. Góc xOy là loại góc gì?



- A. Góc vuông B. Góc tù C. Góc nhọn D. Góc bẹt

Câu 11: Hãy chọn cách viết kí hiệu tỉ số của 14 và 35.

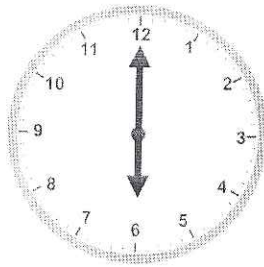
A. $14 + 35$.

B. $35:14$.

C. $14:35$.

D. $14:35$

Câu 12: Lúc 6 giờ thì kim phút và kim giờ của đồng hồ tạo thành góc có số đo là bao nhiêu?



A. 30°

B. 60° .

C. 90° .

D. 180° .

II. TỰ LUẬN (7 ĐIỂM)

Bài 1 (1 điểm). Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu được).

a) $(-32,7) + 16,5 + (-17,3) + 3,5$

b) $\frac{7}{22} \cdot \frac{13}{23} + \frac{7}{22} \cdot \frac{10}{23}$

Bài 2 (1,0 điểm). Tìm x, biết:

a) $\frac{3}{5} \cdot x = \frac{3}{8}$

b) $(x + \frac{7}{15}) \cdot 3 = \frac{8}{5}$

Bài 3 (2 điểm). Lớp 6A có 36 học sinh. Kết quả xếp loại học lực cuối năm gồm ba loại: giỏi, khá, trung bình (không có học sinh xếp loại yếu, kém). Số học sinh đạt loại giỏi $\frac{1}{3}$ số học sinh cả lớp. Số học sinh trung bình bằng 25% số học sinh giỏi.

Còn lại học sinh khá.

a) Tính số học sinh xếp loại giỏi, loại khá, loại trung bình?

b) Tính tỉ số số học sinh trung bình so với học sinh cả lớp?

Bài 4 (2,5 điểm).

1. Vẽ góc $\widehat{mOI} = 60^\circ$.

2. Trên tia Ox, lấy điểm A và B sao cho $OA = 5cm$, $OB = 10cm$.

a. Tính độ dài đoạn thẳng AB.

b. Điểm A có là trung điểm của đoạn thẳng OB không? Vì sao?

Bài 5 (0,5 điểm) Tìm x biết: $\frac{1}{1.3} + \frac{1}{3.5} + \frac{1}{5.7} + \dots + \frac{1}{(2x-1)(2x+1)} = \frac{49}{99}$

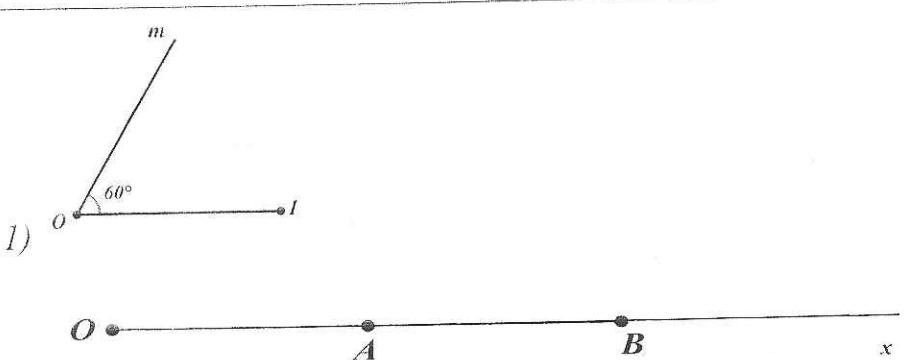
Chúc các con bình tĩnh tự tin và làm bài tốt!

I. Trắc nghiệm (3 điểm): Mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	A	C	B	D	D	B	B	C	C	D	D

II. Tự luận (7 điểm)

Bài	HƯỚNG DẪN GIẢI	ĐIỂM
1 (1 đ)	a) $(-32,7) + 16,5 + (-17,3) + 3,5$ $= [(-32,7) + (-17,3)] + [16,5 + 3,5] = -50 + 20 = -30$	0,25 0,25
	b) $\frac{7}{22} \cdot \frac{13}{23} + \frac{7}{22} \cdot \frac{10}{23} = \frac{7}{22} \left(\frac{13}{23} + \frac{10}{23} \right)$ $= \frac{7}{22} \cdot 1 = \frac{7}{22}$	0,25 0,25
	a) $\frac{3}{5} \cdot x = \frac{3}{8}$ $x = \frac{3}{8} : \frac{3}{5}$ $x = \frac{5}{8}$	0,25 0,25
	b) $\left(x + \frac{7}{15} \right) \cdot 3 = \frac{8}{5}$ $x + \frac{7}{15} = \frac{8}{5} : 3$ $x + \frac{7}{15} = \frac{8}{15}$ $x = \frac{8}{15} - \frac{7}{15}$ $x = \frac{1}{15}$	0,25 0,25
3 (2 đ)	a) Số học sinh đạt loại Giỏi là $36 \cdot \frac{1}{3} = 12$ (học sinh). Số học sinh đạt loại Trung bình là: $12 \cdot 25\% = 3$ (học sinh) Số học sinh đạt loại Khá là: $36 - (12 + 3) = 21$ (học sinh)	0,5 0,5 0,5
	b) Tỉ số số học sinh Trung bình so với học sinh cả lớp là: $\frac{4}{36} = \frac{1}{9}$.	0,5 0,5
	Vậy tỉ số số học sinh TB so với học sinh cả lớp là $\frac{1}{9}$.	0,5

<p>4 (2,5 đ)</p>	<p>1) </p> <p>2) a) Ta có $OA + AB = OB$ $AB = 10 - 5 = 5cm$ b) $OA = AB = 5cm$ mà A nằm giữa O và B Nên A là trung điểm của đoạn thẳng OB.</p>	<p>1 0,5 0,5 0,25 0,25</p>
<p>5 (0,5 đ)</p>	$\frac{1}{1.3} + \frac{1}{3.5} + \frac{1}{5.7} + \dots + \frac{1}{(2x-1)(2x+1)} = \frac{49}{99}$ $\frac{2}{1.3} + \frac{2}{3.5} + \frac{2}{5.7} + \dots + \frac{2}{(2x-1)(2x+1)} = \frac{98}{99}$ $1 - \frac{1}{2x+1} = \frac{98}{99}$ $\frac{1}{2x+1} = 1 - \frac{98}{99}$ $\frac{1}{2x+1} = \frac{1}{99}$ $\Rightarrow 2x + 1 = 99$ $2x = 98$ $x = 49$ <p>Vậy $x = 49$.</p>	<p>0,25 0,25</p>

Học sinh làm cách khác đúng, vẫn cho điểm tối đa.

DUYỆT ĐỀ

Ban Giám Hiệu

Tổ trưởng CM

Nhóm trưởng

Giáo viên



Nguyễn T. Bích Ngân

Nguyễn Thu Huyền

Hoàng P.Thúy

Nguyễn Thị Hà M.